TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày 22-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Thành Biên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 371/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở chính: Số X, phố L, phường H, quận H1, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Quyết Th - chức vụ Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật; ông Phạm Văn V - chức vụ giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019; vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm X; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Thôn D, xã T, huyện A, Hải Phòng; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Vũ Mạnh N, sinh năm X; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 28/8/2015 Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện A, thành phố Hải Phòng (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cho chị Nguyễn Thị D vay số tiền 20.000.000 đồng theo Chương trình Quỹ quốc gia giải quyết việc làm thông qua Sổ vay vốn; mục đích đắp bờ đầm, mua cá giống; thời hạn 36 tháng từ ngày 28/8/2015 đến ngày 12/8/2018; lãi suất 0,55%/tháng, quá hạn 0,715%/tháng. Giải ngân qua Phiếu chi ngày 28/8/2015 chị Nguyễn Thị D đã nhận đủ 20.000.000 đồng. Ngày 25/11/2015 Ngân hàng cho chị Nguyễn Thị D vay số tiền 12.000.000 đồng theo Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường thông qua Sổ vay vốn; mục đích xây nhà vệ sinh, lắp nước máy; thời hạn 60 tháng từ ngày 25/11/2015 đến ngày 12/11/2020; lãi suất 0,75%/tháng, quá hạn 0,975%/tháng; trả lãi theo phân kỳ 06 tháng 01 lần. Giải ngân qua Phiếu chi ngày 25/11/2015 chị Nguyễn Thị D đã nhận đủ 12.000.000 đồng. Khi hết hạn khế ước nhận nợ, chị Nguyễn Thị D không trả được nợ, không làm đơn xin gia hạn nợ, Ngân hàng đã chuyển dư nợ 20.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Đối với khoản vay 12.000.000 đồng mặc dù chưa đến hạn trả nợ nhưng hộ vay vi phạm, không nộp lãi hàng tháng và trả nợ phân kỳ theo cam kết 6 tháng/lần.

Nay, đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Mạnh N phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 22/01/2021, như sau: Khoản nợ gốc 12.000.000 đồng, lãi trong hạn 2.809.907 đồng, lãi quá hạn 273.857 đồng. Khoản nợ gốc 20.000.000 đồng, lãi trong hạn 431.528 đồng, lãi quá hạn 4.214.571 đồng.

Trình bày và đề nghị của bị đơn: Tòa án đã giao các văn bản, quyết định tố tụng cho bị đơn là chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Mạnh N, nhưng đến ngày xét xử chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Mạnh N không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các 463, 465, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc chị D và anh N phải trả nợ cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 22/01/2021 là 39.729.863 đồng, bao gồm: Nợ gốc 32.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 3.241.435 đồng; nợ lãi quá hạn: 4.488.428 đồng). Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ như sau: Bản sao Sổ vay vốn, bản sao tài liệu về hồ

sơ pháp nhân của Nguyên đơn, hồ sơ vay vốn; giấy ủy quyền tham gia tố tụng, bảng kê chi tiết lãi vay, bản tự khai. Bị đơn không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì. Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh.

Tình tiết mà các đương sự thống nhất: Không có. Tình tiết mà các đương sự không thống nhất: Số tiền, thời gian bị đơn vay của nguyên đơn, số tiền đã trả, số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, pháp luật áp dụng: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị D ở nước ngoài, căn cứ Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng. Việc vay nợ được các bên xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 căn cứ điểm b khoản 1 vào Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về việc vay nợ: Sổ vay vốn, các tài liệu có trong hồ sơ vay vốn, phiếu chi được ký giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực và ràng buộc quyền, nghĩa vụ đối với các bên. Do bị đơn vi phạm các điều khoản cam kết trong thỏa thuận, chậm thanh toán các khoản nợ đến hạn nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với Điều 385, Điều 388, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[4] Về khoản tiền nợ gốc và tiền lãi: Bảng kê chi tiết lãi vay ngày 22/01/2021 của nguyên đơn, thể hiện: Hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền: Đối với khoản nợ gốc 12.000.000 đồng; mức lãi suất trong hạn là 0,75%, số tiền lãi trong hạn là 2.809.907 đồng; mức lãi suất quá hạn là 0,975%, số tiền lãi quá hạn là 273.857 đồng. Đối với khoản nợ gốc 20.000.000 đồng; mức lãi suất trong hạn là 0,55%, số tiền lãi trong hạn là 431.528 đồng; mức lãi suất quá hạn là 0,715%, số tiền lãi quá hạn là 4.214.571 đồng. Xét, đây là khoản tiền các bên đã có thỏa thuận, lãi suất thỏa thuận phù hợp Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Mục 1 Sổ vay vốn ghi nhận "Sổ vay vốn là giấy nhận nợ của hộ gia đình do người đại diện hộ gia đình đứng tên ký nhận nợ vay NHCSXH (gọi là người vay)". Tại phần họ và tên người vay là Nguyễn Thị D. Phần danh sách thành viên hộ gia đình tại thời điểm lập sổ vay vốn, họ và tên: Vũ

Mạnh N, quan hệ với người vay: Chồng. Do vậy, xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Mạnh N. Mặc dù, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 131/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã ghi nhận: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Mạnh N thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, xác định chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Mạnh N phải có nghĩa vụ liên đới đối với khoản nợ Ngân hàng nêu trên là phù hợp với Điều 274, 275, 288 Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng C đã nộp 1.000.000 đồng tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, căn cứ Điều 153, Điều 154 Bộ luật Tố tụng dân sự buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 153, Điều 154, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 466, Điều 385, Điều 388, Điều 463 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Mạnh N phải liên đới trả Ngân hàng C số tiền 39.729.863 đồng. Trong đó: Khoản nợ gốc 12.000.000 đồng, lãi trong hạn 2.809.907 đồng, lãi quá hạn 273.857 đồng. Khoản nợ gốc 20.000.000 đồng, lãi trong hạn 431.528 đồng, lãi quá hạn 4.214.571 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Mạnh N vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi tính trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong đơn đề nghị vay vốn, kiêm giấy đăng ký, kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Mạnh N phải chịu chung 1.986.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị D và anh Vũ Mạnh N liên đới hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền 1.000.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị D không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng C, anh Vũ Mạnh N không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn